

**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4817/TCT-CS
V/v: chính sách thuế tài nguyên

Hà Nội, ngày 22 tháng 11 năm 2019

Kính gửi: Cục Thuế tỉnh Long An.

Trả lời Công văn số 884/CT-NVDTPC ngày 17/4/2019; Công văn số 125/CT-THVNĐT ngày 11/01/2019; Công văn số 2876/CT-TCT ngày 22/11/2018, Công văn số 2205/CT-THNVDT ngày 11/9/2018, Công văn số 2023/CT-THNVDT ngày 27/8/2018 của Cục Thuế tỉnh Long An về giá tính thuế tài nguyên đối với hoạt động khai thác nước ngầm cung cấp cho đơn vị sản xuất bia; Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

- Tại Điều 3, khoản 1, khoản 4, Điều 6 Luật Thuế tài nguyên quy định:

“Điều 3. Người nộp thuế

1. Người nộp thuế tài nguyên là tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên thuộc đối tượng chịu thuế tài nguyên.

2. Người nộp thuế tài nguyên trong một số trường hợp được quy định cụ thể như sau:

a) Doanh nghiệp khai thác tài nguyên được thành lập trên cơ sở liên doanh thì doanh nghiệp liên doanh là người nộp thuế;

b) Bên Việt Nam và bên nước ngoài tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh khai thác tài nguyên thì trách nhiệm nộp thuế của các bên phải được xác định cụ thể trong hợp đồng hợp tác kinh doanh;

c) Tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên nhỏ, lẻ bán cho tổ chức, cá nhân làm đầu mối thu mua và tổ chức, cá nhân làm đầu mối thu mua cam kết chấp thuận bằng văn bản về việc kê khai, nộp thuế thay cho tổ chức, cá nhân khai thác thì tổ chức, cá nhân làm đầu mối thu mua là người nộp thuế.”

...

“Điều 6. Giá tính thuế

1. Giá tính thuế tài nguyên là giá bán đơn vị sản phẩm tài nguyên của tổ chức, cá nhân khai thác chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

...

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể giá tính thuế đối với tài nguyên chưa xác định được giá bán đơn vị sản phẩm tài nguyên, trừ dầu thô, khí thiên nhiên, khí than và nước thiên nhiên dùng cho sản xuất thủy điện.

Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”

- Tại mục V, Biểu mức thuế suất thuế tài nguyên ban hành kèm theo Nghị quyết số 1084/2015/UBTVQH13 ngày 10/12/2015 của ủy ban thường vụ Quốc hội) quy định:

V	Nước thiên nhiên	
1	Nước khoáng thiên nhiên, nước nóng thiên nhiên, nước thiên nhiên tinh lọc đóng chai, đóng hộp	10
2	Nước thiên nhiên dùng cho sản xuất thủy điện	5
3	Nước thiên nhiên dùng cho sản xuất, kinh doanh, trừ nước quy định tại Điểm 1 và Điểm 2 Nhóm này	
3.1	Sử dụng nước mặt	
a	Dùng cho sản xuất nước sạch	1
b	Dùng cho Mục đích khác	3
3.2	Sử dụng nước dưới đất	
a	Dùng cho sản xuất nước sạch	5
b	Dùng cho Mục đích khác	8

Căn cứ quy định nêu trên, trường hợp Doanh nghiệp được cấp giấy phép khai thác nước thiên nhiên dùng cho sản xuất kinh doanh nước sinh hoạt (Doanh nghiệp kinh doanh nước sạch), tổ chức khai thác nước thiên nhiên là người nộp thuế tài nguyên theo quy định tại khoản 1, Điều 3 Luật Thuế tài nguyên. Căn cứ mục đích sử dụng nước thiên nhiên khai thác xác định số thuế tài nguyên phải nộp:

- Mức thuế suất thuế tài nguyên được căn cứ theo quy định tại Mục V Biểu thuế suất thuế tài nguyên tại Nghị quyết số 1084/2015/NQ-UBTVQH13;

- Giá tính thuế tài nguyên xác định theo mục đích sử dụng nước thiên nhiên khai thác và không thấp hơn giá tính thuế tài nguyên do UBND tỉnh Long An quy định phù hợp với Khung giá tính thuế tài nguyên tại khoản 4, Điều 5 Thông tư số 44/2017/TT-BTC.

Doanh nghiệp kinh doanh nước sạch thực hiện kê khai nộp thuế tài nguyên theo mức thuế suất và giá tính thuế tài nguyên theo mục đích sử dụng nước; Cơ quan thuế có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan để quản lý thu thuế đúng với mục đích sử dụng nước theo quy định, tránh thất thu ngân sách nhà nước.

Tổng cục Thuế thông báo để Cục Thuế tỉnh Long An được biết./.

**TL. TỔNG CỤC TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ CHÍNH SÁCH
PHÓ VỤ TRƯỞNG**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phó TCT Nguyễn Thế Mạnh (để báo cáo)- Vụ PC-TCT;
- Lưu: VT, CS (3b).

Hoàng Thị Hà Giang